TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-PT
Ngày: 15 – 01 – 2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi; Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 710/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Hồ Thị N** (tên thường gọi: D), sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số A tổ C, ấp H, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

Nguyễn Văn L, sinh năm 1983 (có mặt);

Phùng Thị Hồng Y, sinh năm 1985 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Phùng Thị Hồng Y, Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

**** Nguyên đơn chị Hồ Thị N trình bày:***

Chị là hụi viên có tham gia 02 dây hụi do vợ chồng anh L, chị Y làm đầu thảo, cụ thể:

Dây hụi thứ 1: Dây hụi 200.000 đồng/1 ngày, khui lần đầu vào ngày 01/03/2020 gồm 60 phần, chị tham gia 02 phần, chị đã góp đủ 60 kỳ hụi với số tiền được hưởng sau khi trừ tiền đầu thảo là: 200.000đ x 2 phần x 60 – 400.000đ (đầu thảo) = 23.600.000 đồng. Nhưng vợ chồng anh L, chị Y không giao cho chị số tiền này.

Dây hụi thứ 2: Dây hụi tháng 5.000.000 đồng, khui lần đầu vào ngày 29/7/2020 gồm 16 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị tham gia 01 phần, chị đã góp được 10 kỳ hụi nhưng sau đó vợ chồng chị Y, anh L tuyên bố vỡ hụi và thỏa thuận sẽ trả lại chị 50.000.000 đồng. Nhưng đến nay, vợ chồng anh L, chị Y vẫn chưa trả cho chị số tiền này.

Tổng cộng 02 dây hụi trên, vợ chồng anh L, chị Y còn nợ chị 73.600.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng anh L, chị Y còn tham gia góp 04 dây hụi do chị làm đầu thảo, cụ thể:

Dây hụi thứ 1: Dây hụi 10.000.000 đồng/1 tháng, khui lần đầu vào ngày 30/4/2020, gồm 22 phần, vợ chồng chị Y, anh L tham gia 01 phần. Anh L, chị Y đã góp được 06 kỳ hụi đến kỳ khui hụi thứ 7 vào ngày 30/10/2020 thì anh L, chị Y kêu hốt hụi được tổng số tiền là 166.750.000 đồng và chị đã giao đủ số tiền này cho anh L, chị Y. Nhưng sau khi hốt hụi thì anh L, chị Y không đóng hụi chết lần nào cho chị. Như vậy, dây hụi này anh L, chị Y còn nợ lại chị số tiền hụi là: 15 phần x 10.000.000 đồng = 150.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Dây hụi 5.000.000 đồng/1 tháng, khui lần đầu vào ngày 20/01/2020, gồm 22 phần, vợ chồng chị Y, anh L tham gia 01 phần. Anh L, chị Y góp hụi được 03 kỳ hụi đến kỳ khui hụi thứ 4 vào ngày 20/4/2020 thì anh L, chị Y kêu hốt hụi được tổng số tiền là 82.700.000 đồng và chị đã giao đủ số tiền này cho anh L, chị Y. Nhưng sau khi hốt hụi thì anh L, chị Y không đóng hụi chết lần nào cho chị. Như vậy, dây hụi này anh L, chị Y còn nợ lại chị số tiền hụi là: 18 phần x 5.000.000 đồng = 90.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Dây hụi 5.000.000 đồng/1 tháng, khui lần đầu vào ngày 15/7/2020, gồm 23 phần, vợ chồng anh L, chị Y tham gia 01 phần. Anh L, chị Y đã góp được 07 kỳ hụi đến kỳ khui hụi thứ 8 vào ngày 15/2/2021 thì anh L, chị Y kêu hốt hụi được tổng số tiền là 91.000.000 đồng và chị đã giao đủ số tiền này cho anh L, chị Y. Nhưng sau khi hốt hụi thì anh L, chị Y không đóng hụi chết lần nào cho chị. Như vậy, dây hụi này anh L, chị Y còn nợ lại chị số tiền hụi là: 15 phần x 5.000.000 đồng = 75.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Dây hụi 5.000.000 đồng/1 tháng, khui lần đầu vào ngày 30/01/2020 gồm 21 phần, vợ chồng anh L, chị Y tham gia 01 phần. Anh L, chị Y đã góp được 07 kỳ hụi đến kỳ khui hụi thứ 8 vào ngày 30/8/2020 thì anh L, chị Y kêu hốt hụi được tổng số tiền là 81.900.000 đồng và chị đã giao đủ số tiền

này cho anh L, chị Y. Nhưng sau khi hốt hụi thì anh L, chị Y không đóng hụi chết lần nào cho chị. Như vậy, dây hụi này anh L, chị Y còn nợ lại chị số tiền hụi là: 13 phần x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng.

Tổng cộng, vợ chồng anh L, chị Y còn đang thiếu chị số tiền hụi như sau:

23.600.000 đồng + 50.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 90.000.000 đồng + 75.000.000 đồng + 65.000.000 đồng = 453.600.000 đồng.

Sau thời gian đó, mỗi tháng vợ chồng anh L, chị Y có đóng lại cho chị tiền hụi nhiều lần. Đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng anh L, chị Y có tổng kết lại khoản nợ sau khi vợ chồng anh L, chị Y đã trả cho chị là 233.690.000 đồng còn nợ lại chị 219.910.000 đồng.

Ngoài số tiền nợ hụi nêu trên, chị có cho vợ chồng anh L, chị Y mượn 05 chỉ vàng SJC hứa 05 ngày sẽ trả lại số vàng này. Chị Y và anh L có viết giấy xác nhận còn nợ chị tiền hụi là 219.910.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC. Chị đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh L, chị Y thực hiện nghĩa vụ trả số tiền, vàng trên cho chị, nhưng vợ chồng anh L, chị Y cứ hẹn lần hẹn lựa đến nay vẫn không trả.

Nay chị yêu cầu anh Nguyễn Văn L và chị Phùng Thị Hồng Y phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền hụi là 219.910.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

Anh và chị Phùng Thị Hồng Y là vợ chồng, anh có biết chị Y có làm đầu thảo và tham gia các dây hụi như chị N trình bày là đúng. Hiện anh chị còn nợ chị N số tiền hụi là 219.910.000 đồng và số vàng mượn là 05 chỉ vàng SJC. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chị Y đang nuôi con nhỏ, anh thì chưa có việc làm ổn định nên xin trả dần số tiền, vàng này như sau: Đối với số tiền hụi, anh xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 219.910.000 đồng. Còn 05 chỉ vàng SJC thì 03 năm nữa sẽ trả một lần.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng chị Y vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 170/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 22, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N.

1. Buộc chị Phùng Thị Hồng Y và anh Nguyễn Văn L liên đới trả cho chị Hồ Thị N số tiền nợ hụi là 219.910.000 đồng và số vàng nợ vay là 05 chỉ vàng SJC, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Hồ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phùng Thị Hồng Y và anh Nguyễn Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, giải thích về quyền được thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, bị đơn Nguyễn Văn L, Phùng Thị Hồng Y kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Lập bổ sung yêu cầu hủy án sơ thẩm do giấy tổng kết nợ hụi, vàng là do vợ anh là chị Y ký thay và không đồng ý liên đới với chị Y trả nợ cho chị N; bị đơn Y thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng đối với số tiền nợ 219.910.000 đồng và trả một lần sau 03 năm đối với 05 chỉ vàng SJC. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm và tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm của bị đơn Phùng Thị Hồng Y, Nguyễn Văn L nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi; Hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các tranh chấp được Bộ luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung xét kháng cáo bị đơn Phùng Thị Hồng Y, Nguyễn Văn L:

Bị đơn Lập vẫn giữ yêu cầu hủy án sơ thẩm theo các lý do đã nêu trong đơn kháng cáo là:

- Đã thiếu ghi nhận việc bà Y có trả góp tiền hụi cho chị N nhiều lần nhưng lại không trừ số tiền đã góp.

- Tòa án chưa ghi nhận ý kiến của Phùng Thị Hồng Y trong phiên xét xử ngày 13/9/2024 vì bận con nhỏ, nhà đơn chiếc không có người trông con giúp, không có phương tiện đi lại … nhưng Tòa án lại xét xử theo đơn kiện của nguyên đơn.

- Và bổ sung: do giấy tổng kết nợ hụi, vàng là do vợ anh là chị Y ký thay nên anh không đồng ý liên đới với chị Y trả nợ cho chị N.

Bị đơn Y thay đổi yêu cầu kháng cáo: Đồng ý trả số tiền nợ hụi và vàng cho chị N với yêu cầu trả dần, cụ thể là số tiền nợ hụi 219.910.000 đồng sẽ trả mỗi tháng 500.000 đồng, 05 chỉ vàng SJC sẽ trả 01 lần sau 03 năm.

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo của anh L;

Nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện vợ chồng Nguyễn Văn L, Phùng Thị Hồng Y yêu cầu trả số tiền nợ hụi là 219.910.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy tổng kết ghi nợ giữa các bên ghi: *"Vợ chồng tôi có thiếu chị D1 219.910.000 (hai trăm mười chín triệu chín trăm mười ngàn) với 5 chỉ vàng SJC"* có thể hiện chữ ký tên ghi họ tên Phùng Thị Hồng Y và Nguyễn Văn L (bút lục 37).

Quá trình giải quyết sơ thẩm, chị Y khai nội dung trên là do chị viết ký tên, và chị đã ký tên thay anh L. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L thống nhất số nợ của chị N là 219.910.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC đồng thời cam kết cùng vợ trả dần nợ cho chị N, yêu cầu trả mỗi tháng là 500.000 đồng.

Xét, anh L và chị Y kháng cáo yêu cầu trừ số tiền đã góp vào số tiền nợ hụi nhưng không được chị N thừa nhận, anh L và chị Y không có tài liệu chứng minh cho việc góp hụi nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Hồ sơ vụ án thể hiện phiên tòa sơ thẩm ngày 13/9/2024 là phiên tòa được mở lần thứ hai và được tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Lý do của chị Y nêu ra khi vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không thuộc trường hợp trở ngại khách quan

hay bất khả kháng nên Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt chị Y là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ liên đới, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, anh L khai là có biết số tiền, vàng nợ chị N và đồng ý trả nợ cùng với chị Y nhưng lại không đồng ý có nghĩa vụ liên đới là không phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không được chấp nhận. Mặc khác, việc anh L không ký tên vào giấy tổng kết nợ hụi và vàng không làm thay đổi nội dung vụ án.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo của chị Y: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Y thừa nhận số tiền nợ hụi của chị N khi tổng kết vào năm 2022 là 219.910.000 đồng và 05 chỉ vàng SJC mượn chị N để trang trải trong gia đình. Hai dây hụi của chị Y làm chủ thì bị bể hụi, riêng bốn dây hụi của chị N làm chủ thì đã mãn. Xét thấy, yêu cầu xin trả nợ dần của chị Y không được chị N đồng ý, mặc khác chị Y đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi và hụi viên khi tham gia vào giao dịch góp hụi nên yêu cầu trả nợ dần của chị Y không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh L và chị Y; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2] Quá trình thụ lý phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa 216, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: ấp X, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Qua xem xét, Tòa án ban hành Quyết định số 29/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2024 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ" quy định tại Điều 114 của Bộ luật Tố tụng dân sự bằng hình thức: Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản của ông Nguyễn Văn L; Quyền tài sản bị cấm chuyển dịch cụ thể là: 1/3 quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có diện tích 3.743,0m^2, loại đất ở nông thôn, thửa số 216, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất: ấp X – xã Hội Xuân – huyện C - tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH01052 ngày 31/10/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn L. Đồng thời Quyết định này đã được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự nên cần giữ nguyên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh L và chị Y không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, khoản 3 Điều 428, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn L, Phùng Thị Hồng Y.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 170/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị N.

1. Buộc chị Phùng Thị Hồng Y và anh Nguyễn Văn L liên đới trả cho chị Hồ Thị N số tiền nợ hụi là 219.910.000 đồng và số vàng nợ vay là 05 chỉ vàng SJC, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Hồ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phùng Thị Hồng Y và anh Nguyễn Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 29/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ".

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Chị Phùng Thị Hồng Y và anh Nguyễn Văn L phải chịu 12.995.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho chị Hồ Thị N số tiền 6.185.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002968 ngày 26/7/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm:

Chị Phùng Thị Hồng Y chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0016886 ngày 07/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, chị Y đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn L chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0016885 ngày 07/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, anh L đã nộp đủ án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Minh Nguyệt